

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2026

Số: /BC-TCT

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị 6 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026

Triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh¹; Tổ Công tác về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị 6 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Về công tác triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Trong 6 tháng đầu năm 2026, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN – ĐMST) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được triển khai mạnh mẽ, gắn kết chặt chẽ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn, điển hình như: Kế hoạch số 813/KH-UBND ngày 09/3/2026 về triển khai thi hành Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; Kế hoạch số 839/KH-UBND ngày 10/03/2026 về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 26/01/2026 về cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Quảng Trị năm 2026 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 812/KH-UBND ngày 09/3/2026 về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 2644/KH-UBND ngày

¹ Nghị quyết số 57-NQ-TW ngày 22/12/2024; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của BCH Đảng bộ tỉnh về đột phá CDS gắn với CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030; Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban chỉ đạo Trung ương ban hành chương trình Công tác năm 2026; Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/2/2026 của Ban chỉ đạo của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026; Chương trình Công tác số 01-CTr/BCĐ ngày 10/01/2026 của Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị; Chương trình công tác số 11/CTr-BCĐ ngày 26/01/2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị về Chương trình Công tác năm 2026.

31/12/2025 về triển khai thi hành Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 1720/KH-UBND ngày 01/4/2026 về triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030. Kế hoạch số 2114/KH-UBND ngày 29/4/2026 về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030. Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 quy định phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Bên cạnh đó đã ban hành một số văn bản để triển khai hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Số lượng văn bản quy phạm pháp luật về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cần ban hành: 11 văn bản², trong đó đã ban hành 05 văn bản; đang dự thảo, lấy ý kiến và cần ban hành trong thời gian tới 06 văn bản.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai 54 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (45 nhiệm vụ cấp tỉnh, 09 nhiệm vụ cấp cơ sở); tổ chức kiểm tra tiến độ 18 nhiệm vụ cấp tỉnh và nghiệm thu 07 nhiệm vụ cấp tỉnh, 04 nhiệm vụ cấp cơ sở; nhiều nhiệm vụ tập trung ứng dụng công nghệ sinh học, IoT, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, tự động hóa trong sản xuất, chế biến sản phẩm chủ lực. Tổ chức thành công Hội thảo khoa học “Đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các quy định mới”. Nghiên cứu xây dựng định hướng ưu tiên nghiên cứu và kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ năm 2026 gắn nhu cầu thực tiễn; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 công bố ~~danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển~~

² **Văn bản đã Ban hành:** Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và tích hợp nền tảng Ứng dụng Công dân số tỉnh (QUANGTRI-S); Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 ban hành Quy chế quản lý, khai thác, chia sẻ CSDL công chứng, chứng thực; Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 phân cấp thẩm quyền cấp giấy xác nhận khai báo thiết bị, giấy phép bức xạ; Quyết định số 45/2006/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 về quy định phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Văn bản đang trình cấp có thẩm quyền: Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý cấp thông tin treo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2026: (1) Phát triển chuỗi giá trị vật liệu bán dẫn từ cát trắng và thạch anh tỉnh Quảng Trị; (2) Phát triển hệ sinh thái năng lượng xanh, năng lượng tái tạo và công nghệ lưu trữ năng lượng quy mô lớn; (3) Phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn và giảm phát thải dựa trên dữ liệu số. Các bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, thế mạnh và dư địa tăng trưởng của địa phương để tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đến nay, có trên 50% tổng số nhiệm vụ được nghiệm thu giai đoạn 2021 – 2025 được triển khai ứng dụng và nhân rộng. Toàn tỉnh hiện có 07 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

Tiến hành rà soát, đề xuất đặt hàng Bộ Khoa học và Công nghệ 06 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; tham gia góp ý công nghệ đổi mới với 34 dự án đầu tư và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư³; cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ cho 03 tổ chức⁴; đẩy mạnh khảo sát ươm tạo thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh⁵. Toàn tỉnh có 50 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, 01 vườn ươm, trung tâm được bổ sung chức năng đổi mới sáng tạo, số doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số đạt 4.421 doanh nghiệp 18% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và 30 sản phẩm đổi mới sáng tạo đã được thương mại hóa. Một số doanh nghiệp tiêu biểu đã ứng dụng các giải pháp AI, IoT, Blockchain, phân tích dữ liệu lớn để tối ưu sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thực hiện rà soát, đánh giá tình hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ, sản giao dịch khoa học và công nghệ; tổng hợp các doanh nghiệp, địa phương, ngành nghề có tiềm năng trở thành động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đánh giá trình độ, năng lực công nghệ sản xuất trên địa bàn tỉnh,... để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đã tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch số 2798/KH-UBND ngày 10/6/2026 về việc triển khai Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hình thành, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; kịp thời triển khai các quy định mới về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo⁶; tổ chức hưởng ứng Ngày Sáng tạo và Đổi mới sáng tạo thế giới năm 2026, triển khai Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam; tham mưu UBND ban hành Quyết định công nhận 01 chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Tập

³ Trong đó có một số dự án có quy mô lớn như: Dự án Trang trại điện gió Quảng Bình 2; Dự án Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình; Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thịt và lợn sinh sản năng suất cao Thanh Lâm Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng - Lao Bảo...

⁴ Toàn tỉnh hiện có 25 tổ chức khoa học và công nghệ được cấp Giấy chứng nhận.

⁵ Toàn tỉnh hiện có 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp Giấy chứng nhận.

⁶ Nghị định số 268/NĐ-CP ngày 14/10/2025 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII). Hiện nay, Sở đang hướng dẫn, triển khai đến các sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu và tài liệu minh chứng phục vụ tính toán Bộ chỉ số PII năm 2026; Đã tổ chức Hội thảo khoa học “Phân tích nội hàm Chỉ số PII của tỉnh Quảng Trị và giải pháp nâng cao trong thời gian tới”.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Công điện số 38/CD-TTg ngày 05/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp đấu tranh ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ⁷; thường xuyên rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong đăng ký bảo hộ, quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh để triển khai các giải pháp hỗ trợ. Tham mưu tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học thuộc các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026. Tổ chức đào tạo an toàn bức xạ tại tỉnh Quảng Trị năm 2026 cho hơn 80 học viên của các cơ sở bức xạ trên địa bàn tỉnh. Thẩm định và cấp, gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng 40 thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế cho 21 đơn vị; Cấp 09 chứng chỉ nhân viên bức xạ; Hướng dẫn hồ sơ cấp/gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho 03 đơn vị.

Tiếp tục phát triển 71 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Tiến hành rà soát, tổng hợp những vướng mắc trong đăng ký bảo hộ, quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh; thay đổi đơn vị đứng tên đăng ký nhãn hiệu chứng nhận "Mật ong Phong Nha" và đổi chủ sở hữu văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận "Hàu Quán Hàu". Cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ cho 01 đơn vị.

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh trong thời gian qua không chỉ tạo ra các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng có giá trị kinh tế, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương, hướng đến mục tiêu Quảng Trị trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năng động của khu vực Bắc Trung Bộ vào năm 2030.

2. Triển khai các hoạt động chuyển đổi số

2.1. Công tác tham mưu, hoàn thiện thể chế, chính sách và triển khai

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Công tác tham mưu được tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ, toàn diện.

Trong 06 tháng đầu năm 2026, tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số

⁷ Công văn 2203/UBND-KGVX ngày 8/5/2026 về việc triển khai thực hiện Công điện số 38/CD-TTg ngày 05/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

05-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030; tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh ban hành các chương trình công tác năm 2026 như Chương trình số 01-CTr/BCĐ ngày 10/01/2026 Chương trình Công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị; Chương trình số 11/CTr-BCĐ ngày 26/01/2026 Chương trình Công tác Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị năm 2026.

UBND tỉnh cụ thể hóa các chủ trương này qua nhiều văn bản chỉ đạo xuyên suốt, như: Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 30/01/2026 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2026; Kế hoạch số 807/KH-UBND ngày 09/3/2026 về triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 về thành lập Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 687/KH-UBND ngày 26/02/2026 triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 về phê duyệt Khung Kiến trúc số tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 Ban hành Quy chế phối hợp hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Viễn thông và Internet; Kế hoạch số 986/KH-UBND ngày 19/3/2026 về việc triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 Ban hành Danh mục các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 Phê duyệt Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh; Kế hoạch số 1887/KH-UBND ngày 15/4/2026 Phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 Ban hành Quy chế phối hợp hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Kế hoạch số 1785/KH-UBND ngày 07/4/2026 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030. Kế hoạch đã xác định 105 nhiệm vụ, đề án, dự án chuyển đổi số giao cho các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai trong giai đoạn 2026–2030, nhằm thúc đẩy phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch số 2463/KH-UBND ngày 26/5/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 về phê duyệt Đề án nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030,

định hướng đến 2035; Quyết định số 45/2006/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 2882/KH-UBND ngày 15/5/2026 về triển khai Chương trình thúc đẩy, chuyển đổi IPv6Only giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Cùng với đó, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu đã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình để tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho hoạt động chuyển đổi số trên toàn tỉnh một cách toàn diện, đồng bộ. Tiếp tục lồng ghép nội dung phát triển KHCN, ĐMST và CDS vào kế hoạch phát triển của đơn vị. Mạng lưới tổ chức đã được phủ rộng khi 100% cơ quan, đơn vị, xã, phường, đặc khu hoàn thành kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng và thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp cơ sở. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tiếp tục được cải thiện, cùng sự đồng hành chủ động của các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel, MobiFone, FPT...) trong phát triển hạ tầng, dịch vụ số đã tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương. Sở Khoa học và Công nghệ đã duy trì thường xuyên công tác đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn và tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định.

2.2. Tình hình triển khai hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin

Hạ tầng số trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp và mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số, hệ thống thông tin và dịch vụ số phục vụ hoạt động quản lý nhà nước cũng như nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Sở Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn đẩy nhanh phát triển hạ tầng mạng viễn thông phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh. Do đó Hạ tầng viễn thông và Internet băng rộng tiếp tục được các doanh nghiệp viễn thông duy trì, mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng dịch vụ, đến nay hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng triển khai các dịch vụ công trực tuyến: Mạng cáp quang băng rộng đã được phủ đến 100% trung tâm xã, phường, đặc khu; Đến nay, tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 6.078 trạm (2.078 trạm 3G, 3.437 trạm 4G; 563 trạm 5G) Tỷ lệ dân số phủ sóng mạng di động băng rộng 4G đạt khoảng 99,5%; Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G đạt khoảng 83,5% (tăng 9,3% so với năm 2025), với 563 trạm phát sóng 5G đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện bó gọn cáp và ngầm hóa cáp viễn thông; tăng cường chỉnh trang cáp thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ Đại hội XIV của Đảng. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông triển khai kế hoạch thực hiện xóa thôn, bản trắng sóng băng rộng cố định, băng rộng di động trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ nhắn tin SMS qua mạng viễn thông để tuyên truyền cảnh báo người dân trên địa bàn tỉnh về sử dụng rượu bia; thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh,...

Các hệ thống hạ tầng số phục vụ chính quyền số tiếp tục được duy trì và nâng cấp, bao gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) hoạt động

thông suốt, bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin/CSDL dùng chung của tỉnh và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia; đã cấp mới, gia hạn, thay đổi thông tin chữ ký số chuyên dùng công vụ cho 8.462 cho tổ chức và cá nhân. Mở rộng cấp chứng thư số cho các tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã nhằm tăng cường hiệu quả giao dịch điện tử, giảm chi phí vận hành.

Hệ thống Hội nghị trực tuyến của tỉnh đã hoàn thiện việc kết hệ thống đến 78/78 các xã phường, đặc khu, phục vụ thông suốt các cuộc họp từ Trung ương đến tỉnh và địa phương, hiện đã hoàn thành việc kết nối đến 78/78 Đảng ủy xã, phường, đặc khu hoàn thiện thiết lập hệ thống Hội nghị trực tuyến phục vụ các cuộc họp cho cả khối Đảng và Chính quyền các cấp.

Về hạ tầng thiết bị CNTT đầu cuối phục vụ Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc Mật của chính phủ cơ bản Đảm bảo hạ tầng kết nối. Thiết bị đầu cuối đúng yêu cầu của phần mềm. Đã triển khai kiểm tra đảm bảo an toàn thông tin trên thiết bị đầu cuối. Hiện nay đã có 94 đơn vị cấp tỉnh, cấp xã triển khai hạ tầng công nghệ thông tin đầu cuối đã tách biệt vật lý với mạng rõ và sử dụng giải pháp bảo mật cơ yếu để tách biệt logic với mạng rõ.

2.3. Tình hình khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, nền tảng số

Việc ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Quảng Trị được triển khai đồng bộ, toàn diện, góp phần hình thành môi trường làm việc điện tử, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID); hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp (dịch vụ công Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn, Cấp phiếu lý lịch tư pháp); Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính (Dịch vụ công trực tuyến Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách), cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, hỗ trợ công tác giám sát, phân tích và điều hành trong nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh trật tự, giao thông và phản ánh hiện trường.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất. Toàn tỉnh có 2.185 TTHC; đã xây dựng, cung cấp 2.112 dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của

bộ, ngành và của tỉnh, đạt 96,7%, trong đó dịch vụ công trực tuyến toàn trình 1.549/1.549 TTHC đủ điều kiện toàn trình (đạt 100%); đạt 100% TTHC thực hiện phi địa giới hành chính. Các cơ quan thực hiện nghiêm Bộ Chỉ số 766/QĐ-TTg, không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận mới tiếp nhận trong kỳ: 345.638 (trực tuyến: 337.933; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 7.705); số từ kỳ trước chuyển qua: 19.529. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 347.173; trong đó, giải quyết trước hạn: 334.911, đúng hạn: 8.247, quá hạn: 4.015. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 17.994; trong đó, trong hạn: 17.934, quá hạn: 62.

- Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 94,89%.
- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 95,02%.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 95,01%.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 97,42%.
- Tỷ lệ người dân được cấp tài khoản định danh điện tử: Toàn tỉnh duy trì 100% công dân từ 14 tuổi, đủ điều kiện có thẻ căn cước/căn cước công dân.

Tiếp tục đẩy mạnh chi trả qua tài khoản đối với các nhóm đối tượng theo chỉ tiêu được giao. Kết quả: người có công với cách mạng đạt 63,2% (21.455/33.942), tăng 13,2% so với đầu năm 2026; đối tượng bảo trợ xã hội đạt 41,9% (48.510/115.892), tăng 11,6%, vượt chỉ tiêu giao 40%; người hưởng lương hưu, các chế độ BHXH và trợ cấp thất nghiệp đạt 89% (67.664/75.987), tăng 1,2% so với đầu năm 2026.

Xây dựng và đưa vào sử dụng "Thư viện điện tử ngành Nông nghiệp và Môi trường" tại địa chỉ thuviendientu.snnmt.quangtri.gov.vn. Thư viện này là nơi tập hợp các văn bản chỉ đạo, tài liệu kỹ thuật, cẩm nang, mô hình hay... về chuyển đổi số, tạo ra một kênh thông tin chính thống và thuận tiện cho cán bộ, người dân và doanh nghiệp tra cứu, học tập. Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS được duy trì vận hành trên toàn tỉnh (78 xã, phường), thực hiện sao lưu định kỳ đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật thông tin. Hệ thống VBDLIS đã hoàn thành kết nối với phần mềm của Cơ quan Thuế (100% hồ sơ TTHC đất đai chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính bằng phương thức điện tử).

Ngành Y tế đã triển khai và sử dụng đồng bộ các nền tảng số dùng chung của tỉnh như hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế (RIS/PACS) được triển khai tại các cơ sở khám chữa bệnh, tạo nền tảng cho việc triển khai bệnh án điện tử.

Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh đã triển khai hợp nhất và đã cấp phát và đưa vào sử dụng 24.221 tài khoản thư điện tử công vụ của cơ quan đảng, cơ quan chính quyền. Việc gửi nhận thư điện tử công vụ diễn ra thông suốt, hiệu quả là công cụ hỗ trợ trong trao đổi công việc giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh cũng đã vận hành Hệ thống báo cáo số của UBND tỉnh kết nối với Hệ thống báo cáo quốc gia, giúp giảm thời gian tổng hợp báo cáo định kỳ; 100% chỉ

tiêu báo cáo hành chính được nhập, cập nhật trên môi trường điện tử.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tinh hoạt động ổn định, liên thông thông suốt 3 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, tiết kiệm chi phí hành chính. Đảm bảo 100% văn bản đi/đến (trừ văn bản mật) được xử lý trên môi trường mạng. Tính đến ngày 30/6/2026, Hệ thống hiện thiết lập 1.985 đơn vị và tổ chức với gần 17.505 tài khoản của các sở, ban, ngành, địa phương và các phòng ban, đơn vị thuộc, trực thuộc. Tính đến tháng 30/6/2026, đã có 3.660.119 văn bản (3.236.103 đến, 424,016 đi). Số văn bản đi được Lãnh đạo ký số là 204,772 đạt 53,7%, cơ quan ký số là 380.990 đạt 89,8%

Hệ thống đổi nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã hỗ trợ theo dõi, đôn đốc tiến độ 1.754 nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các đơn vị, địa phương (trong đó gồm 1212 nhiệm vụ đã hoàn thành, 542 nhiệm vụ đang thực hiện). Cổng Thông tin điện tử tỉnh (<https://www.quangtri.gov.vn>) đã ứng dụng công nghệ mới, phát huy hiệu quả vai trò thông tin tuyên truyền, cung cấp kịp thời các chủ trương chính sách, thông tin kinh tế xã hội, sự kiện chính trị, hoạt động chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh; đã biên tập, cập nhật hơn 1.755 tin bài trên Cổng TTĐT của tỉnh.

Ứng dụng Công dân số QUANGTRI-S được duy trì vận hành ổn định, đóng vai trò là kênh cung cấp dịch vụ công, tiện ích số và tương tác hai chiều giữa chính quyền với người dân. Ứng dụng đã kết nối, tích hợp dữ liệu của các sở, ngành và UBND cấp xã. Đã tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường, tạo điều kiện để người dân phản ánh, kiến nghị và theo dõi quá trình xử lý. Ứng dụng QUANGTRI-S ghi nhận sự gia tăng rõ rệt về lượt tải và cài đặt trên các kho ứng dụng trên App Store (iOS/iPadOS) và Google Play (Android), nâng tổng số lượt tải và cài đặt lên 83.000 lượt. Đồng thời, số tài khoản đăng ký mới đạt 22.131 tài khoản, đưa tổng số tài khoản trên hệ thống lên 76.195 tài khoản. Tổng số phản ánh trên hệ thống là 2.476 phản ánh. Trong đó, đã tiếp nhận và chuyển xử lý 2.153 phản ánh, 323 phản ánh cập nhật kết quả từ chối xử lý do không đủ điều kiện tiếp nhận.

Các nền tảng, ứng dụng số của tỉnh được triển khai tương đối đồng bộ, từng bước hình thành nền tảng kỹ thuật cho chính quyền số và đô thị thông minh. Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh được vận hành hiệu quả, tích hợp nhiều nguồn dữ liệu về kinh tế – xã hội, giải quyết thủ tục hành chính, giáo dục, y tế, phản ánh kiến nghị của người dân và một số lĩnh vực thiết yếu khác, qua đó hỗ trợ lãnh đạo tỉnh và các đơn vị trực thuộc theo dõi, giám sát, nắm bắt tình hình và ra quyết định điều hành kịp thời trên cơ sở dữ liệu thực tế.

Thông qua việc đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp của Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng công an và các đơn vị liên quan, mức độ tiếp cận và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp ngày càng được nâng cao, góp phần cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà

nước và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

2.4. Tình hình triển khai dữ liệu số

Hạ tầng dữ liệu của tỉnh đã có bước phát triển quan trọng khi các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đi vào hoạt động ổn định, thông suốt. Thông qua nền tảng LGSP, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID).

Tiếp tục duy trì tích hợp dữ liệu một số chuyên ngành vào Kho cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung tỉnh, như: Giá, cấp giấy phép lái xe, giáo dục và đào tạo, du lịch..., phục vụ tích hợp và khai thác dữ liệu từ nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đã cập nhật vào CSDL 158 Vi bằng; đối với Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực: Đã cập nhật 184 thông tin ngăn chặn, 04 thông tin cảnh báo rủi ro lên CSDL; cập nhật 5.111 Thông tin giao dịch chứng thực tại UBND cấp xã; cập nhật: 23.293 Thông tin giao dịch công chứng tại các Tổ chức hành nghề công chứng; cập nhật 886 vụ việc vào phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị; cập nhật 767 vụ việc trợ giúp pháp lý vào phần mềm Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý; Đến nay, các địa phương đã hoàn thành việc rà soát dữ liệu đăng ký kết hôn (tổng số dữ liệu đã rà soát là 12.733 dữ liệu). Đối với dữ liệu đăng ký khai sinh tiếp tục đổ về trên Phần mềm hộ tịch của Bộ Tư pháp có yêu cầu rà soát; cập nhật 90 vụ việc vào phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị; rà soát, xử lý dữ liệu khai sinh có sai lệch giữa CSDLHTĐT và CSDLQGVDC theo hướng dẫn; UBND các xã, phường, đặc khu đã thực hiện rà soát hoàn thành làm sạch 11.701 dữ liệu trẻ em khai sinh nhưng chưa đăng ký thường trú, 7.372 dữ liệu công dân đã khai tử nhưng chưa xóa đăng ký thường trú, 3.901 dữ liệu công nhân tham gia BHXH tại các khu công nghiệp và 28.024 trường hợp dữ liệu thiếu trường thông tin. Đồng thời, đơn đốc các sở, ngành liên quan xây dựng, đối sánh, làm sạch CSDLQG, CSDL chuyên ngành với CSDLQG về dân cư theo yêu cầu Đề án 06. Trong đó, lĩnh vực đất đai có 847.292/2.605.923 thửa đất bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, đạt 32,5%; xác minh thông tin chủ sử dụng đất đạt 36,3% (54.226/149.498); tiến độ lập đơn đăng ký đối với thửa đất chưa có thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 4,1% (40.191/969.571); tiến độ bổ sung hồ sơ quét đạt 34,5% (88.177/255.674); cập nhật dữ liệu thuộc tính đạt 6,8% (157.502/2.311.043); tiến độ cập nhật dữ liệu không gian đạt 50,6% (622.099/1.230.013); tiến độ ký số sổ địa chính điện tử đạt 2,9% (66.528/2.311.043); tiến độ đối khớp thông tin với C06, Bộ Công an đạt 83,6% (161.822/193.669). Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát 201.977 dữ liệu đăng ký khai sinh/272.403 dữ liệu cần rà soát (đạt 74,14%); Thuế tỉnh đồng bộ 2.916/2.936 thông tin người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức với CSDLQG về dân cư, đạt 99,3%, tăng 1% so với đầu năm 2026; BHXH tỉnh khớp đúng 1.409.938/1.411.942 thông tin người tham gia BHXH, BHYT với CSDLQG về dân cư, đạt 99,4% (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội). Đối với hồ sơ đất đai đang lưu trữ chưa được số hóa (phát

sinh trước thời điểm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai): tiếp tục xây dựng phương án chỉnh lý, số hóa hồ sơ lưu trữ; từng bước đưa công tác quản lý, khai thác hồ sơ đất đai lên môi trường điện tử, phấn đấu hoàn thành số hóa 100% hồ sơ đang lưu trữ.

Bên cạnh đó, công tác khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp từng bước được mở rộng; một số cơ quan đã triển khai chuyên mục dữ liệu mở trên Cổng thông tin điện tử về quy hoạch, đất đai, du lịch, thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận.

Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, hỗ trợ công tác giám sát, phân tích và điều hành trong nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh trật tự, giao thông và phản ánh hiện trường. Tiếp tục triển khai, ứng dụng các Hệ thống cổng dữ liệu mở; Kho dữ liệu dùng chung; Nền tảng Giám sát dữ liệu trực tuyến; Nền tảng Tổng hợp và Phân tích dữ liệu; Nền tảng phân tích và Biểu diễn dữ liệu.

2.5. Về nâng cao năng lực cán bộ, tổ chức tập huấn, phát triển tổ công nghệ số cộng đồng

Công tác bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số được triển khai quyết liệt, đa dạng hóa hình thức và đối tượng đào tạo, đặc biệt là việc cập nhật các xu hướng công nghệ mới. Triển khai linh hoạt gắn phong trào “Bình dân học vụ số”. Đến nay, 97,2% cán bộ, công chức cấp tỉnh và 75,39% cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản. Đã triển khai tổ chức 18 lớp Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. tập trung vào các kỹ năng số cơ bản như sử dụng nền tảng số, VneID, dịch vụ công trực tuyến và sử dụng các ứng dụng chính quyền số (Quang Tri-S, phản ánh hiện trường) ứng dụng AI trong công việc và đồng thời cập nhật xu hướng công nghệ mới cho 929 học viên. Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-SKH-CN về việc triển khai duy trì nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà của tỉnh Quảng Trị (daotaotruoctuyen.quangtri.gov.vn) năm 2026 nhằm duy trì, vận hành ổn định Nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà của tỉnh bảo đảm hoạt động liên tục, an toàn, đúng quy định hiện hành của Bộ Khoa học và Công nghệ; phục vụ triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; mở rộng quy mô người học, nâng cao tỷ lệ cán bộ, người dân có kỹ năng số cơ bản và nâng cao; trang bị kiến thức, kỹ năng số thiết thực cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tổ công nghệ số cộng đồng, doanh nghiệp và người dân; thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Các xã, phường tiếp tục thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng của thôn, bản, xã dân phố. Đến nay, 78/78 xã, phường, đặc khu đã kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 với 1.903 tổ và hơn 14.136 thành viên. Các địa phương cũng đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng cho thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06, triển khai hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nền tảng công dân số và kỹ năng an toàn thông tin. Đây là

lực lượng nòng cốt tại cơ sở thực hiện “cầm tay, chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho người dân. Các Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 đã triển khai chiến dịch ra quân “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân kỹ năng số, sử dụng các dịch vụ số” với các nội dung: (1) Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến (Cấp Căn cước; Đăng ký cư trú; Đăng ký xe mô tô, xe máy, xe máy điện,...); (2) Hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt; (3) Hướng dẫn sử dụng nền tảng công dân số Quang Tri-S; (4) Hướng dẫn bảo vệ bản thân và gia đình trên môi trường mạng; (5) Hướng dẫn tìm kiếm thông tin hiệu quả trên Internet; (6) Hướng dẫn, hỗ trợ cài đặt ứng dụng VNelD và tăng cường việc kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

2.6. Tình hình phát triển kinh tế số, xã hội số

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp, tham mưu UBND tỉnh Quảng Trị đã tổ chức Lễ khai trương Đề án thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Đây là bước tiến quan trọng trong nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, đồng thời góp phần thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi số tại địa phương. Từ 01/3/2026, Bưu điện tỉnh Quảng Trị đã triển khai cho 46 nhân viên bưu chính thực hiện học việc tại 02 Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 30 Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường về hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại điện tử, du lịch, logistics và dịch vụ công. Lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt được mở rộng, các trường học và cơ sở y tế trên địa bàn đã áp dụng hình thức thanh toán học phí, viện phí trực tuyến qua ngân hàng hoặc ví điện tử; các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, góp phần tăng hiệu quả quản lý thuế và minh bạch hóa giao dịch. Kết quả, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 5,9%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước..

Phát triển sản phẩm OCOP và thương mại điện tử: Chương trình OCOP tiếp tục khẳng định vai trò là chương trình kinh tế nông thôn trọng điểm. Đến nay, toàn tỉnh có 395 sản phẩm OCOP còn thời hạn, trong đó có 03 sản phẩm 5 sao, 64 sản phẩm 4 sao và 328 sản phẩm 3 sao. Trong đó sản phẩm OCOP 5 sao (Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cao cà gai leo (hòa tan) của CT TNHH Dược liệu hữu cơ An Xuân) của tỉnh đã chính thức được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Mỹ. Toàn tỉnh hiện có 693 HTX nông nghiệp, số lượng HTX ứng dụng công nghệ và tham gia vào các chuỗi liên kết ngày càng tăng. Hiện có 100 HTX (chiếm 14,2%) đang ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Các HTX tiếp tục là lực lượng chủ lực trong chương trình OCOP, với 162 sản phẩm của 96 HTX đạt từ 3 sao trở lên.

Các mô hình “Chợ số - Nông thôn số”, “Chợ phiên online”, livestream bán hàng nông sản được nhân rộng.

Tỉnh Quảng Trị đã tập trung phát triển và đưa vào sử dụng các ứng dụng, dịch vụ số phục vụ trực tiếp người dân và doanh nghiệp, gắn với cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được duy trì, nâng cấp, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, theo dõi trạng thái xử lý hồ sơ và nhận kết quả thuận tiện, minh bạch. Thông qua hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp của Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng công an và các đơn vị liên quan, người dân và doanh nghiệp được hỗ trợ tạo tài khoản, sử dụng định danh điện tử, tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ số khác. Các ngành, lĩnh vực tiếp tục mở rộng ứng dụng dữ liệu dân cư và định danh điện tử trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công và dịch vụ thiết yếu. Trong lĩnh vực ngân hàng, 100% hoạt động thuộc diện áp dụng đã thực hiện xác thực thông tin căn cước và sinh trắc học, góp phần nâng cao an toàn, bảo mật trong giao dịch. Trong lĩnh vực y tế, 100% cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đã triển khai sử dụng căn cước, VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế; tỷ lệ người dân tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID đạt 64,7%. Công nghệ sinh trắc học cũng được ứng dụng hiệu quả trong kiểm soát hành khách tại cảng hàng không, với tỷ lệ thực hiện đạt 89,8%⁸.

Thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được thúc đẩy, đặc biệt trong chi trả an sinh xã hội, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và các chế độ bảo hiểm xã hội, nhiều chỉ tiêu đã đạt và vượt kế hoạch đề ra⁹. Đồng thời, việc xây dựng, làm sạch, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được duy trì thường xuyên, tạo nền tảng quan trọng

⁸ (1) Lĩnh vực ngân hàng: Thực hiện quy định yêu cầu bắt buộc xác thực thông tin thẻ CC/CCCD, sinh trắc học đối với **100%** hoạt động đăng ký tài khoản ngân hàng, giao dịch, góp phần nâng cao bảo mật, an toàn thông tin. (2) Lĩnh vực y tế: (i) Ứng dụng CC/CCCD, VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) trong khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế. **100%** cơ sở khám chữa bệnh BHYT triển khai tiếp đón người bệnh đăng ký vào khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ CC/CCCD. (ii) Triển khai tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID (*nhiệm vụ chưa hoàn thành từ năm 2025 chuyển sang; năm 2026, tỉnh giao chỉ tiêu 80% người dân đủ điều kiện*⁸): đã có **64,7% (551.032/851.701)** công dân có BHYT có hiệu lực tích hợp, tăng **6,7%** so với đầu năm 2026. (3) Lĩnh vực an ninh: Ứng dụng công nghệ nhận diện sinh trắc trong tự động kiểm tra thông tin hành khách qua cửa khẩu an ninh tại cảng hàng không. Tổng số hành khách qua cửa khẩu an ninh tự động chiếm **89,8% (5.442/6.058)** tổng số hành khách được thực hiện sinh trắc học.

⁹ (1) Sở Nội vụ đẩy mạnh chi trả an sinh xã hội qua tài khoản đối với người có công với cách mạng (*năm 2026 giao chỉ tiêu 70% - nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2025*). Toàn tỉnh đã có **23.960/33.845** đối tượng người có công đăng ký tài khoản chi trả, đạt tỷ lệ **70,8%**, tăng **20,8%** so với đầu năm 2026 và vượt chỉ tiêu đề ra. Trong đó, **47** địa phương⁹ vượt chỉ tiêu. (2) Sở Y tế đẩy mạnh chi trả an sinh xã hội qua tài khoản đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*năm 2026 giao chỉ tiêu 40%*). Toàn tỉnh đã có **51.811/117.591** đối tượng bảo trợ xã hội đăng ký tài khoản chi trả, đạt tỷ lệ **44,1%**, tăng **13,8%** so với đầu năm 2026 và vượt chỉ tiêu đề ra. Trong đó, có **37** địa phương⁹ vượt chỉ tiêu. (3) BHXH tỉnh đẩy mạnh chi trả lương hưu, các chế độ BHXH và trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản (*năm 2026 giao chỉ tiêu 91%*). Toàn tỉnh đã có **68.307/76.016** người hưởng lương hưu, các chế độ BHXH và trợ cấp thất nghiệp đăng ký tài khoản chi trả, đạt tỷ lệ **89,9%**, tăng **2,1%** so với đầu năm 2026. Trong đó, có **33** địa phương⁹ vượt chỉ tiêu.

để phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Kế hoạch triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang kinh doanh trực tuyến hiệu quả, bền vững; Tăng cường sự hiện diện, quảng bá, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc trưng của địa phương trên các nền tảng số, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế; Nâng cao năng lực số cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; góp phần thay đổi thói quen tiêu dùng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao tỷ trọng giao dịch trực tuyến trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh; Tạo môi trường giao dịch, mua sắm trên môi trường trực tuyến minh bạch, an toàn và bền vững, qua đó củng cố niềm tin của người tiêu dùng; Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiêu dùng và cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số một cách an toàn, tin cậy; Góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm đặc thù, OCOP của tỉnh.

2.7. Về tài chính, kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Kế hoạch năm 2026, dự toán kinh phí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh giao cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là 336,102 tỷ đồng (chưa bao gồm nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương do Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 chưa được thông qua), tăng 47,9% so với năm 2025, đạt 1,23% tổng chi ngân sách tỉnh. Đến tháng 6/2026, giá trị giải ngân đạt 25,84 tỷ đồng, đạt 7,68% kế hoạch giao; trong đó nguồn chi thường xuyên đạt 11,89%, nguồn đầu tư công mới đạt 0,16% do vướng mắc về cơ sở pháp lý phân bổ. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh (mới) chưa được thành lập; chưa hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và đạt nhiều kết quả thực chất, tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị. Cùng với đó, năm 2026 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính nền tảng, quyết định đến việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm tập trung vào các nội dung chính là hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số và đào tạo nhân lực. Các Hệ thống nền tảng số, dữ liệu số, dịch vụ công trực tuyến và các hệ thống điều hành dùng chung được tiếp tục triển khai ứng dụng và vận hành ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các hoạt động khoa học, công

nghe, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có bước phát triển mới. Công tác tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số được triển khai đồng bộ ở các cấp, đến tận người dân, doanh nghiệp để hình thành nền tảng xã hội số ngày càng rõ nét. Phát triển kinh tế số trên mọi lĩnh vực.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc, Công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều kết quả nổi bật, mô hình hay như: Giao doanh nghiệp bưu chính công ích tham gia quy trình giải quyết thủ tục hành chính; “Điểm truy cập Internet cộng đồng - Bình dân học vụ số” tại xã Dân Hóa; Mô hình 3: “Chú Công an Bó Trạch AI” và livestream giải đáp thủ tục hành chính; Mô hình 4: “Chợ phiên online” - livestream tiêu thụ nông sản; “Số hóa địa chỉ đỏ” - đổi mới giáo dục truyền thống lịch sử; Chính quyền lưu động vì Nhân dân và Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến lưu động cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại như hạ tầng số chưa đồng đều ở các địa phương; Tiến độ xây dựng, làm sạch, kết nối và khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chưa đáp ứng yêu cầu, nguồn kinh phí chi trực tiếp cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đúng quy định; nhân lực công nghệ thông tin chưa được bổ sung kịp thời về số lượng và chất lượng; hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng chưa đồng bộ về nguồn lực và công cụ. Những hạn chế này cần được tiếp tục khắc phục trong thời gian tới nhằm bảo đảm phát triển bền vững các trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh.

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

- Một số cơ chế, chính sách mới ban hành chưa được triển khai đồng bộ hoặc chưa phát huy hiệu quả rõ nét.

- Tiến độ xây dựng, làm sạch, kết nối và khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chưa đáp ứng yêu cầu; một số hệ thống, nền tảng số còn chậm hoàn thiện, chưa ổn định, việc khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và công tác nghiệp vụ chưa phát huy hết hiệu quả. Dữ liệu số hóa chưa được chuẩn hóa toàn bộ, chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ và phân tích trên nền tảng dữ liệu lớn.

- Nguồn nhân lực chuyên trách về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo còn mỏng, nhất là ở UBND các xã, phường, đặc khu. Một bộ phận cán bộ kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai. Nhất là đội ngũ chuyên sâu về công nghệ thông tin, an ninh mạng, khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo. Chưa có cơ chế chính sách cụ thể cho Tổ công nghệ số cộng đồng, chủ yếu kiêm nhiệm, thiếu công cụ và kinh phí hoạt động. Chưa tạo được động lực để phát triển xã hội số toàn diện.

- Hạ tầng kỹ thuật giữa các vùng chưa đồng đều, đặc biệt tại các xã miền núi, ven biển, gây khó khăn cho việc kết nối các hệ thống thông tin dùng chung. Việc đầu tư các dự án trọng điểm, trang thiết bị, nền tảng số còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ chuyển đổi trạng thái công tác trên môi trường số.

- Chưa có các chính sách cụ thể để thúc đẩy phát triển kinh tế số. Hình thành

và phát triển các khu công nghiệp số tập trung.

- Một số văn bản hướng dẫn kỹ thuật về tiêu chuẩn dữ liệu, quy trình số hóa, định mức chi chưa được ban hành đầy đủ, gây khó khăn khi lập dự toán, thẩm định và nghiệm thu.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động số 09-KH/TU; Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030, Chương trình công tác số 11/CTr-BCĐ ngày 26/01/2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị về Chương trình Công tác năm 2026; Kế hoạch số 3122/KH-UBND ngày 29/06/2026 của UBND tỉnh về Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 30/01/2026 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2026 và các Chương trình, Kế hoạch, Kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

Triển khai thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị. Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KHCN, ĐMST, CDS với cải cách hành chính và đánh giá thi đua, khen thưởng, đưa kết quả triển khai chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình.

Phát triển, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu. Thực hiện chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung, đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương; bảo đảm nguyên tắc “dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống”. Từng bước hình thành hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong các lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, y tế, giáo dục, du lịch, gắn với mục tiêu phát triển đô thị thông minh, quản lý tài nguyên – môi trường, quan trắc khí tượng - thủy văn và cảnh báo thiên tai.

Tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống, nền tảng số dùng chung như Hệ thống quản lý văn bản điện tử, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống báo cáo điều hành, hội nghị trực tuyến, phần mềm phản ánh hiện trường, cơ sở dữ liệu dân cư và VNeID; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ, thanh toán điện tử, tra cứu kết quả trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành, quản lý công việc.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng về KHCN, ĐMST và CDS. Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người

lao động và Tổ công nghệ số cộng đồng. Huy động đoàn viên thanh niên, giáo viên tin học, cán bộ văn hóa – xã hội tham gia hướng dẫn, truyền thông và hỗ trợ người dân tại cơ sở.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình quản trị và kinh doanh sang môi trường số. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận quỹ khoa học – công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, chính sách tín dụng ưu đãi. Phát triển đồng bộ kinh tế số, xã hội số.

Bố trí nguồn kinh phí phù hợp để đầu tư phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Đảm bảo hạ tầng hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Tiến hành kiểm tra, bảo trì, giám sát định kỳ các hệ thống hạ tầng bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, liên tục.

Các cơ quan báo chí, truyền thông trong tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương và mạng xã hội của UBND cấp xã tiếp tục duy trì chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số, đăng tải tin, bài, video tuyên truyền về hoạt động, mô hình, điển hình tiên tiến, hiệu quả của chuyển đổi số trên địa bàn. Khuyến khích ứng dụng mạng xã hội, nền tảng số mới (Zalo, Facebook, YouTube, Quảng Trị-S) để truyền thông hai chiều giữa chính quyền và người dân. Đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của KHCN, ĐMST&CDS.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục tham mưu Ban chỉ đạo công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác năm.

Tiếp tục tham mưu ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật còn lại theo kế hoạch. Triển khai cơ chế "thử nghiệm có kiểm soát" (sandbox) đối với các ngành, lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm.

Tham mưu tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Xây dựng và triển khai Đề án Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh quảng trị giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 theo Quyết định đã được phê duyệt. Hoàn thiện, mở rộng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh; tăng tỷ lệ dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ qua nền tảng LGSP. Tiếp tục triển khai và mở rộng nền tảng ứng dụng công dân số Quảng Trị-S, tạo kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền trên thiết bị di động thông minh.

Hoàn thiện hạ tầng viễn thông - internet trên phạm vi toàn tỉnh. Phấn đấu đến cuối năm 2026, phủ sóng 5G đạt tối thiểu 80% dân cư. Tiếp tục tập

trung xóa trắng sóng băng rộng di động tại 06 bản đặc biệt khó khăn chưa có điện lưới quốc gia; Tiếp tục mở rộng kết nối Internet cáp quang băng thông rộng tốc độ cao đến các thôn, bản khu vực vùng sâu, vùng xa, khu vực đặc biệt khó khăn.

Tập trung đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị. Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trên toàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”. Triển khai hiệu quả chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh với các Tập đoàn (VNPT, Viettel, FPT...) để tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến mở (MOOCs), tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ cơ sở và người dân.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị trong 6 tháng đầu năm 2026 của Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PTKHCN, ĐMST, CDS tỉnh (b.cáo);
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: SKH&CN.

TỔ TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
Đặng Ngọc Tuấn

Phụ lục 01
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu (năm 2026)	Kết quả thực hiện (đến tháng 6/2026)	Ghi chú
	a) Phát triển hạ tầng			
	- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	80%	83,5%	
	- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.	80%	68,23%	
	- Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.	Có	Có	
	b) Phát triển nguồn lực			
	- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	80%	85,39%	
	- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%	97,2%	
	- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	89,6%	
	- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	70%	
	c) Phát triển khoa học, công nghệ			
	- Số doanh nghiệp khoa học, công nghệ trên địa bàn.	11	10	
	- Số tổ chức khoa học, công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.	11	11	
	- Số nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	≥ 25	07	
	- Số nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh triển khai.	≥ 25	45	
	- Tỷ lệ kết quả khoa học, công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	$\geq 50\%$	55%	
	- Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).	05	01	
	- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất, kinh doanh.			
	- Số bài báo báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).	≥ 15	07	
	d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
	- Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	70	60	
	- Số vườn ươm, trung tâm được bổ sung chức năng đổi mới sáng tạo.	01	01	
	- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	16%	15%	
	- Số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.	50	30	
	- Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.	20	03	

	- Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.	02	-	
	- Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.	50	162	
	- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	3%	2%	
	- Số sáng kiến cấp tỉnh được công nhận.	50	166	
	<i>e) Phát triển chuyển đổi số</i>			
	- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	0,65	-	Chưa đánh giá năm 2026
	- Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	98%	100%	
	- Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	50%	25%	
	- Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	60%	31%	
	- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	30%	18%	
	- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	81%	85,9%	

Phụ lục 02
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	98	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99	
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	98	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)		94,78	
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	93,9	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	2.071	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1.420	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	94,89	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	1.849	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	1.753	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	99,9	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	117.500	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	117.444	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	99,95	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	170.400	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	170.248	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	540	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	540	